



Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

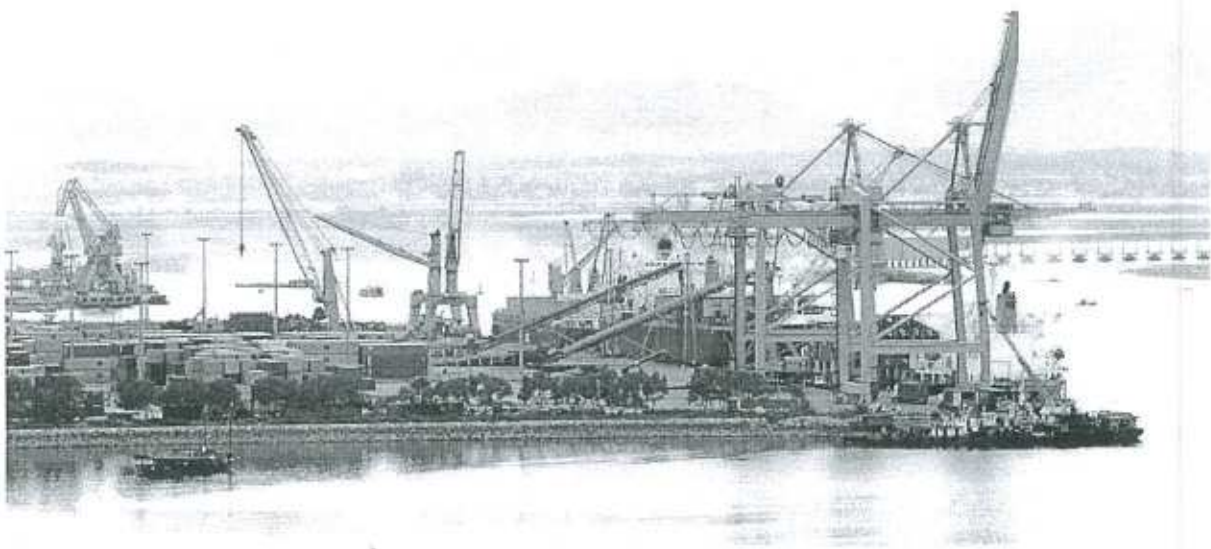
Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh
Quảng Ninh

Số điện thoại: (84-02033) 825624

Số fax: (84-02033) 826118

Website: <http://quangninhport.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



Quảng Ninh, tháng 04 năm 2017

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014
- Vốn điều lệ: 500.499.360.000 đồng (*Năm trăm tỉ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (84-02033) 825624
- Số fax: (84-02033) 826118
- Website: <http://quangninhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CQN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 29/08/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226/QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Công ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hòn Gai - Cẩm Phá trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Từ khi cổ phần hóa tới nay Công ty chưa tiến hành tăng vốn. Ngày 22/8/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 22 tháng 08 năm 2014 đến nay.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo công văn số 2689/TTg-ĐMDN ngày 31/12/2014; Công văn số 20/TTg-ĐMDN ngày 9/3/2015 và của Bộ trưởng Bộ GTVT tại công văn số 104/BGTVT-QLDN ngày 23/3/2015 và Quyết định số 1047/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2015, ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn Nhà nước sở hữu tại

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (98,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

⇩ *Ngành nghề kinh doanh*

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết:</i> - Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; - Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245);	5224 (Chính)
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;	2592
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
4.	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; <i>Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu</i>	4730
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)</i>	5210
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
	mục nhà nước cấm)	
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5021
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; <i>Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải</i>	5222
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; <i>Chi tiết:</i> - <i>Giao nhận hàng hóa</i> - <i>Kinh doanh dịch vụ Logistic</i> <i>(không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)</i>	5229
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Điều hành tua du lịch	7912
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
24.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

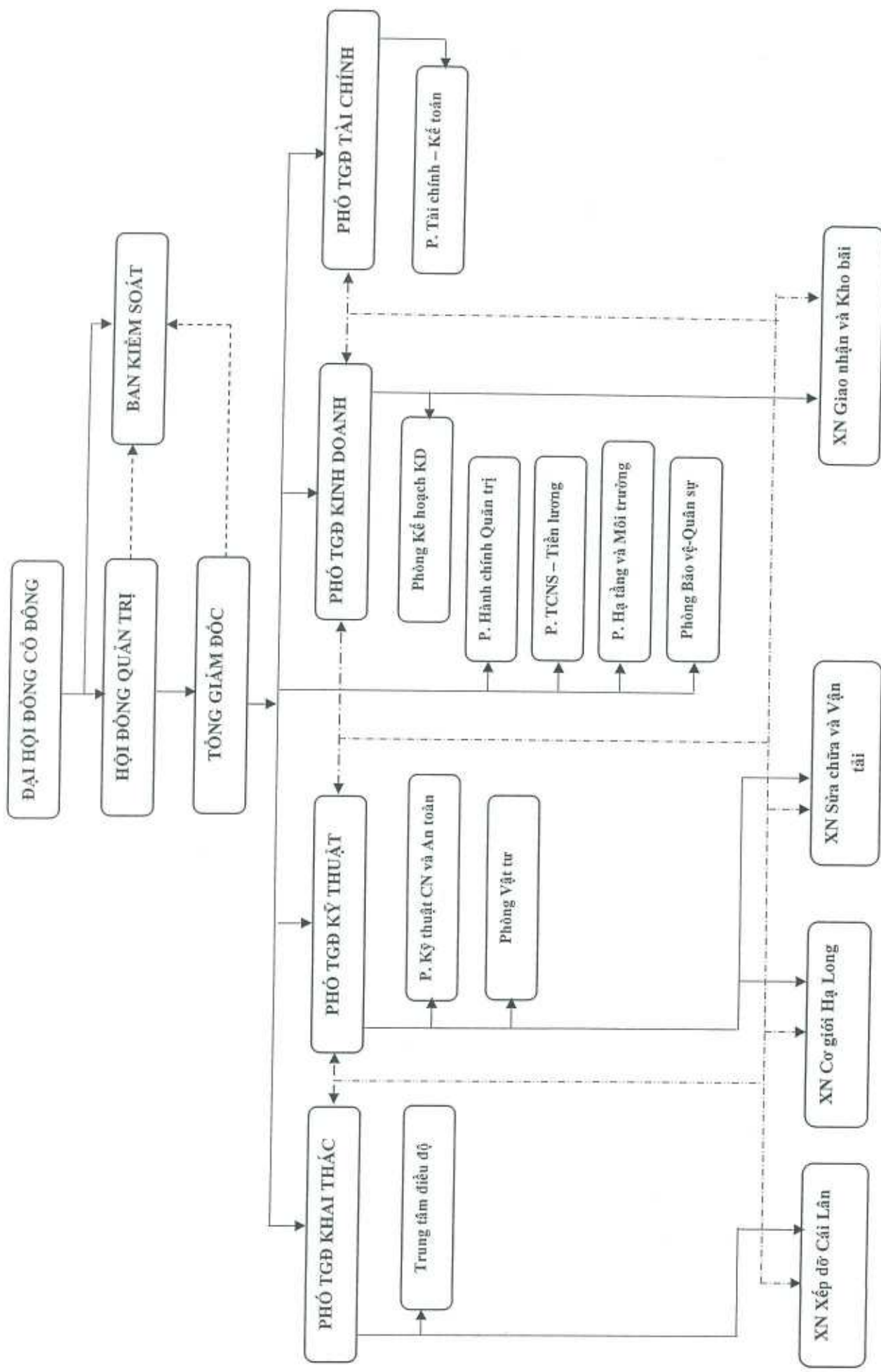
✚ **Hoạt động chính của công ty**

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải.

✚ **Địa bàn kinh doanh: Quảng Ninh**

4. **Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

✚ **Mô hình quản lý công ty**



⚡ **Các công ty con, công ty liên kết:**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

❖ Công ty cổ phần Tập đoàn T&T

- Trụ sở chính : Số 18 Phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Vốn điều lệ : 5.000.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu tại Cảng Quảng Ninh : 98,33% vốn điều lệ

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
Không có.

- **Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan**

Từ năm 2009 – 2013, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã đầu tư góp vốn vào bốn (04) công ty cùng ngành là các công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và một (01) công ty ngoài ngành cụ thể như sau:

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Vinalines Logistics: 1.105.704.043 đồng - chiếm 0,71%

- Góp vốn vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc: 2.207.213.772 đồng – chiếm 23,53%

- Góp vốn vào công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. Năm 2007 công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI) theo quyết định số 587/QĐ-CQN ngày 25/10/2007 của Giám đốc Cảng Quảng Ninh. Tại thời điểm 31/12/2013 vốn góp đầu tư vào CPI là 53.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV Cảng là 28.449.400.000 đồng, vốn đầu tư trực tiếp của Cảng là 24.550.600.000 đồng – chiếm 12,33%

- Góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng hải với vốn góp: 1.015.739.351 đồng – chiếm 0,01%

- Góp vốn vào Công ty Vietracimex để thực hiện dự án khách sạn Ngôi Sao Hạ Long (văn phòng cũ) số 6 Lê Thánh Tông thành phố Hạ Long với vốn góp 8.059.638.000 đồng - chiếm 13,43%.

- Góp vốn vào Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty CP với giá trị vốn góp 156.918.438.000 đồng - chiếm 12,23%.

5. Định hướng phát triển

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách

hàng tín nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

Với định hướng phát triển của Cảng biển như nêu trên đặc biệt là kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển đảm bảo lưu thông hàng hóa đến năm 2020 rất phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty, tạo cơ hội lớn cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới.

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống (sắt vụn, dăm gỗ, ...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.

- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thường phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.

- Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược: Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.

- Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong 03 năm qua.

- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.

- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Trong hoạt động sản xuất

- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất, rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khấu hao, giảm chi phí trong sản xuất.

- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.

- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.

- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng sản phẩm xuất ra thị trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.

- Xây dựng lại định mức năng suất lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, CCDC phù hợp với thực tế sản xuất và chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tập trung đầu tư vào trang thiết bị còn thiếu, năng suất thấp, hoặc đã cũ của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.

- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2ha vào kế hoạch khai thác trong năm 2017.

c) Trong quản lý điều hành

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, định biên nhân sự phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, bố trí nhân sự các phòng ban phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý cho Công ty.

- rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước, giao tế... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

6. Các nhân tố rủi ro

❖ Rủi ro về kinh tế:

- Hạ tầng giao thông kết nối với các khu kinh tế, khu công nghiệp chưa được cải thiện, cụ thể:

+ Quốc lộ 18A đã nâng cấp một phần nhưng vẫn còn chật hẹp, mật độ phương tiện đông đúc, hạn chế tốc độ lưu chuyển.

+ Hệ thống đường sắt vào cảng tuy đã thử nghiệm nhưng vẫn chưa đi vào khai thác chính thức.

+ Chưa quy hoạch bãi đỗ xe tải chờ rút hàng từ cảng, dẫn đến tình trạng ùn tắc cục bộ tại khu vực công cảng tiếp giáp với quốc lộ 18A.

- Hệ thống cầu cảng luôn trong tình trạng tắc nghẽn, không đáp ứng đủ nhu cầu do số lượng tàu lớn về cảng ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, do tình trạng sa bồi tại bến 1 nên chỉ tiếp nhận được tàu có tải trọng dưới 20.000 DWT.

- Cạnh tranh bởi cảng CICT: do hiện nay CICT không thu hút được hãng tàu container nên đã chuyển sang công năng khai thác hàng rời dăm gỗ, thức ăn chăn nuôi, sắt thép, xi măng và các loại hàng rời khác. Mới đây CICT còn được Cục Hàng-hải Việt Nam đồng ý cho phép khai thác các tàu đến 85.000 DWT với món nước phù hợp vào làm hàng.

- Cạnh tranh bởi các Công ty xếp dỡ tư nhân ngoài vùng neo. Hiện nay, nhiều Công ty xếp dỡ tư nhân đã tham gia xếp dỡ hàng hóa ngoài vùng neo với giá cước rất thấp dẫn đến thị trường xếp dỡ hàng hóa tại khu vực này càng gây khó khăn nhất định đối với cảng Quảng Ninh.

- Việc siết tải trọng xe đường bộ dẫn đến vận chuyển bằng đường bộ giảm so với trước đây, ngược lại tăng vận chuyển bằng đường thủy (sà lan), do đó có thời điểm xảy ra tình trạng thiếu cầu bến tiếp nhận sà lan.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chưa chủ động thay đổi theo mô hình quản trị mới của Tập đoàn, vẫn còn tư tưởng cơ chế doanh nghiệp nhà nước nên công việc triển khai còn thụ động và chậm về tiến độ.

- Hệ thống quy trình, quy định chưa được chuẩn hóa và đầy đủ dẫn đến hiệu quả không cao, thời gian tác nghiệp bị kéo dài. Đối với một số quy trình xây dựng mới không được ban hành kịp thời để giải quyết các phát sinh trong thực tế

- Trang thiết bị, CCDC được đầu tư đã lâu, hoạt động liên tục nên bị hỏng hóc thường xuyên dẫn đến giảm năng suất lao động và khả năng giải phóng tàu.

❖ **Rủi ro về luật pháp:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi pháp luật, áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

❖ **Rủi ro khác:**

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	So sánh (%) thực hiện 2016 với	
						KH 2016	TH 2015
I	Chỉ tiêu SXKD						
1	Sản lượng thông qua	Tấn TQ	7.428.000	8.433.975	7.319.278	98,54	86,78
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn XD	7.507.000	8.791.876	7.334.808	97,71	83,43
3	Số tàu ra vào cảng	Lượt tàu	430	392	394	91,63	100,51
4	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	402,39	421,02	416,20	103,43	98,86
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	71,33	46,96	71,56	100,78	152,37
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng		640,535	700,847		109,42
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng		539,343	557,618		103,39
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng		421,016	416,204		98,86
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		36,629	57,119		155,94

III	Chỉ tiêu lao động						
1	Số lượng lao động	người	888	874	823	93,00	94,00
2	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ	10,1	10,129	10,255	101,53	101,24

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Hội đồng quản trị

✦ Trước ngày 22/12/2016:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT

✦ Từ ngày 22/12/2016:

Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT

Ban giám đốc:

Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng giám đốc

Ban kiểm soát

✦ Trước ngày 15/4/2016:

Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

✦ Ngày 15/4/2016 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

⚡ Ngày 18/4/2017 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

Ông Lê Trung Dũng Kế toán trưởng

⚡ Từ ngày 2/3/2017

Ông Phạm Quang Trường Phó trưởng phòng tài chính kế toán phụ trách kế toán

2.2. Sơ yếu lý lịch

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
Hội đồng quản trị		
1. Chủ tịch HĐQT: Phạm Công Đoàn		
- Số CMND: 03705700017 cấp ngày 20/3/2017 tại Cục CS.ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 08/02/1960 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc : Kinh - Địa chỉ thường trú : Số 33 ngõ 75 Hồng Hà – Phúc Xá – Ba Đình – Hà Nội - Trình độ văn hóa: 10/10 - Trình độ chuyên môn: + Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Quá trình công tác: + Phó phòng kế toán công ty Than Hòn Gai. + Kế toán trưởng Công ty XNK và hợp tác quốc tế - TKV. + Phó giám đốc Công ty CP XNK thanh – TKV. + Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn CN Than – KS	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện : 49.212.432 cổ phần (của Tập đoàn T&T) - Số cổ phần của người có liên quan : Không có	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

<p>Việt Nam.</p> <p>+ Trưởng ban kiểm soát mỏ than Đèo Nại, trưởng ban kiểm soát mỏ than Hà Lâm, trưởng ban kiểm soát mỏ than Cao Sơn.</p> <p>+ Ủy viên thường trực Hội đồng thành viên Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc – Vinacomin</p> <p>+ Ủy viên thường trực HĐQT Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP</p> <p>+ Trợ lý chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc ban QLV-TC công ty cổ phần tập đoàn T&T</p>		
<p>2. Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo</p>		
<p>- Số CMND: 100807003 cấp ngày 15/01/2013 tại CA tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 29/07/1963</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh</p> <p>- Quê quán: Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương</p> <p>- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 4D, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế công nghiệp.</p> <p>- Lý luận chính trị: Cao cấp</p> <p>- Ngoại ngữ: Bằng C tiếng Anh</p> <p>- Tin học: Trình độ A</p> <p>- Quá trình công tác</p> <p>+ Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Thương vụ Cảng Quảng Ninh;</p> <p>+ Phó Giám đốc Cảng Quảng Ninh;</p> <p>+ Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐTV, Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh.</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 27.264 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: Không có</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p>
<p>3. Thành viên HĐQT Đỗ Ngọc Khanh</p>		
<p>- Số CMND: 111535338 cấp ngày 01/4/2011 tại CA Hà Nội</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 06/8/1983</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật Hà Nội) -</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần</p> <p>- Số cổ phần của người có liên</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</p>

<p>Luật sư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ: Anh văn trình độ C. - Các chức vụ đã đảm nhiệm: + Giám đốc Ban Pháp chế kiêm Chánh văn phòng TGD kiêm Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT + Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội + TV HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; + TV HĐQT Công ty CP Đầu tư và xây dựng Tam Sơn; + TV HĐQT Công ty CP Phát triển Bóng đá Hà Nội; + TV HĐQT Công ty CP Đầu tư QNK Quảng Nam; + Chủ tịch kiêm GD CLB Bóng bàn Hà Nội T&T 	<p>quan: Không có</p>	<p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p>
<p>4. Thành viên HĐQT Nguyễn Quốc Hưng</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 001082005035 cấp ngày 19/11/2014 tại Cục CS.ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 11/08/2982 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: Hội Xá - Hương Sơn - Mỹ Đức - Hà Nội - Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn: + Thạc sỹ kinh tế Đại học Thương mại HN + Cử nhân kinh tế Học viên Tài chính + Chứng chỉ kế toán trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân + Chứng chỉ hành nghề thuế Tổng cục Thuế - Các chức vụ đã đảm nhiệm: + Phụ trách kế toán Trung tâm XNK 2 Công ty TM XD Hà Nội + Trưởng phòng TCKT Công ty CP XD TM XNK + Kế toán tổng hợp Công ty VT & XD + Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim loại Sao Phương Đông + Phó giám đốc Ban Tài chính Công ty CP Tập đoàn T&T + Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Quảng Ninh 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần - Số cổ phần của người có liên quan: Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
<p>5. Thành viên HĐQT Nguyễn Văn Mạnh</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 012909287 cấp ngày 12/04/2008 tại CA Hà Nội - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 20/03/1978 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản

<p>- Địa chỉ thường trú: P808 Nhà H - Đền Lừ I - Hoàng Mai - Hà Nội- Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân</p> <p>- Các chức vụ đã đảm nhiệm:</p> <p>+ Trưởng phòng kinh doanh Tập đoàn T&T</p> <p>+ Phó giám đốc Công ty T&T Motor</p> <p>+ Phó phòng KHTV Công ty CP Cảng Quảng Ninh</p>	<p>cổ phần</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>nợ đối với Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty :</p> <p>Không có</p>
Ban Điều hành		
1. Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo: như trên		
2. Phó Tổng giám đốc Hoàng Trọng Tùng		
<p>- Số CMND: 100052977 cấp ngày 17/11/2007 tại CA Quảng Ninh</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh</p> <p>- Quê quán: Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>- Địa chỉ thường trú : Tổ 1 Khu 8 phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển</p> <p>- Lý luận chính trị: Cao cấp</p> <p>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.400 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p>
3. Phó Tổng giám đốc Đinh Anh Tuấn		
<p>- Số CMND: 100462878 cấp ngày 20/7/2012 tại CA Quảng Ninh</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 28/7/1966</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh</p> <p>- Quê quán: Yên Định, Thanh Hóa</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD Kinh tế công nghiệp & Xây dựng</p> <p>- Lý luận chính trị: Cao cấp</p> <p>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.703 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p>
4. Phó Tổng giám đốc Quách Đình Phú		
<p>- Số CMND: 100848521 cấp ngày 30/9/2009 tại CA Quảng Ninh</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 14/1/1964 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh - Quê quán: Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình - Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển nghiệp. - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Bằng A tiếng Anh - Tin học : Văn phòng - Quá trình công tác: + Phó Trưởng Khu xếp dỡ Hạ Long Cảng Quảng Ninh + Trưởng khu bến 1 Cái Lân Cảng Quảng Ninh + Trưởng Khu xếp dỡ Container Cảng Quảng Ninh + Giám đốc Công ty xếp dỡ Container Cảng Quảng Ninh + Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh. 	<p>hữu: 9.955 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có</p>
<p>5. Phó Tổng giám đốc Nguyễn Quốc Hưng: như trên Được bổ nhiệm từ 29/6/2015</p>		
<p>Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán</p>		
<p>Phó trưởng phòng phụ trách kế toán Phạm Quang Trường</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND : 100739070 cấp ngày 28/6/2005 tại CA Quảng Ninh- Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 01/8/1981 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh - Quê quán: Hạ Long, Quảng Ninh - Địa chỉ thường trú: Tổ 1 khu 5A phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Ngoại ngữ: Tiếng anh hệ vừa học vừa làm - Quá trình công tác: + Kế toán viên Ngân hàng TMCP Hàng hải Quảng Ninh + Phó phòng kế toán và kế toán tổng hợp Công ty cổ phần đầu tư và giao tế Quảng Ninh – Khách sạn Hạ Long Pearl. + Kế toán trưởng Khách sạn Bưu điện Hạ Long. + Kế toán trưởng công ty cổ phần du lịch DV Sao Hạ Long 	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</p>

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

↳ Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến tháng 12/2016 là 823 CBCNV được cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
I. Tổng số lao động	823	100
1. Ban điều hành	5	0,6
2. Đảng, công đoàn	2	0,2
3. Lao động quản lý (từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên)	39	4,8
4. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	130	15,8
5. Lao động trực tiếp sản xuất	558	67,8
6. Lao động thừa hành, phục vụ	89	10,8
II. Trình độ chuyên môn	823	100
1. Trình độ trên đại học	4	0,5
2. Trình độ đại học	217	26,4
3. Trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	82	10,0
4. Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	316	38,4
5. Chưa qua đào tạo, (LĐPT)	204	24,7

↳ Chế độ làm việc

Nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên sống duy nhất (con người) có thể sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác, có thể khai thác tốt nhất khả năng, năng suất và hiệu quả của chúng. Vì vậy, nếu khả năng và năng lực của người lao động được nâng cao và phát triển thì Công ty sẽ ngày càng phát triển hơn, tiềm năng hơn, lớn mạnh hơn.

Quan điểm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu của Công ty là: Tuyển dụng và bổ nhiệm đúng năng lực, đúng vị trí; trả công xứng đáng với năng lực làm việc và thành tích đóng góp.

Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa. Qui hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực. Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng một chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nhân sự. Việc điều chỉnh lương được xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của CBCNV và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Chính sách thưởng :**

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty. Tiền thưởng chỉ cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.

- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

- Đối với lãnh đạo công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.... Khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, ban điều hành vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động trong công ty còn được công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...

- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị... hàng tháng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	Tăng/giảm	
				tuyệt đối	%
1	Tổng giá trị tài sản	640.534.628.263	700.846.766.240	60.312.137.977	109,42
2	Doanh thu thuần	421.015.829.171	416.203.792.857	(4.812.036.314)	98,86
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46.575.867.782	65.655.100.717	19.079.232.935	140,96
4	Lợi nhuận khác	385.537.971	5.901.429.646	5.515.891.675	1.530,70
5	Lợi nhuận trước thuế	46.961.405.753	71.556.530.363	24.595.124.610	152,37
6	Lợi nhuận sau thuế	36.628.549.279	57.119.269.723	20.490.720.444	155,94

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,57	1,49	
1.2	Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,08	1,14	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,16	0,20	
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,26	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,66	0,59	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,14	
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,10	
4.3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,08	
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Tổng tài sản	0,07	0,09	

5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 50.049.936 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 88.290 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 49.961.646 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2016

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
I	CỔ ĐÔNG LỚN	1	49.212.432	98,33%
I	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T		49.212.432	98,33%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	2	79.690	0,16%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Trong nước:	2	79.690	0,16%
	- Ngoài nước	0	0	0%
III	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	440	757.814	1,51%
	- Trong nước	440	757.814	1,51%
	- Ngoài nước	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	443	50.049.936	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

5.5. Các chứng khoán khác

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

1.1. Chỉ tiêu SXKD

- Tổng sản lượng hàng hóa thông qua năm 2016 đạt 7,3 triệu tấn, giảm 1,1 triệu tấn (13%) so với năm 2015, giảm 0,108 triệu tấn (1,46%) so với kế hoạch năm.

- Tổng sản lượng hàng hóa xếp dỡ năm 2016 đạt 7,33 triệu tấn, giảm 1,4 triệu tấn (16,57%) so với năm 2015, giảm 0,172 triệu tấn (2,3%) so với kế hoạch năm

- Doanh thu khai thác cảng năm 2016 đạt 416,2 tỷ đồng, giảm 4,81 tỷ đồng (1,14%) so năm 2015, tăng 13,81 tỷ đồng (3,4%) so với kế hoạch năm. Nguyên nhân: do sản lượng hàng hóa thông qua cảng giảm mạnh, dẫn đến nguồn thu từ phục vụ xếp dỡ hàng hóa giảm..

- Lợi nhuận trước thuế đạt 71,56 tỷ đồng, tăng 0,78% so kế hoạch năm và tăng 24,6 tỷ đồng (52,37%) so năm 2015.

1.2. Chỉ tiêu tài chính

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016 là 700,85 tỷ đồng, tăng 60,3 tỷ đồng (9%) so với năm 2015.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 557,62 tỷ đồng, tăng 18,28 tỷ đồng (3,39%) so với năm 2015, chủ yếu là do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016 là 143,22 tỷ đồng, tăng 41,54% so với năm 2015. Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2016 là 56,167 tỷ đồng, bằng 54,31% so với năm 2015, chủ yếu là do phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng lên.

1.3. Thu nhập bình quân người lao động đạt 10,255 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 1,53% so kế hoạch năm và tăng 1,24% so với năm 2015.

1.4. Các hạng mục đầu tư, XDCB phục vụ sản xuất

✦ Về cơ sở hạ tầng

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Giá trị (đồng)	Dự kiến thời gian đầu tư	Diễn giải
1	Dự án cải tạo nâng cấp bến 1, bến tạm	1.431.726.000	24/5/2016 – 11/3/2017	Đang lập dự án đầu tư
2	Dự án bến 8&9		24/3/2016 – 30/4/2017	Đã được Bộ GTVT chấp thuận cho Cảng làm chủ đầu tư.
3	Kiểm định cầu 5,6,7 kết hợp kiểm toán cho tàu 85.000 DWT giảm tải cấp cầu 5,6,7	1.006.729.538	21/11/2016 – 01/3/2017	Đã lựa chọn đơn vị tư vấn và đang thương thảo các điều khoản hợp đồng.
4	Xây kho chứa hàng tại bãi liền kề cầu 5	45.394.000.000	27/4/2016 – 28/10/2017	Đã lựa chọn đơn vị tư vấn và đang thương thảo các điều khoản hợp đồng.

✦ Về đầu tư mua sắm thiết bị

TT	Tên thiết bị, CCDC	Số lượng	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện	Diễn giải
1	Tàu lưu trú phục vụ làm hàng ngoài vịnh	01 chiếc	78.100.000	Quý I/2016	Đã hoàn thành giai đoạn 1: bản vẽ thiết kế và dự toán.
2	Xe xúc lật	02 chiếc	3.014.000.000	21/7 – 30/12/2016	Đã nhận bàn giao xe.
3	Gầu ngoạm hoa thị MRS7 cánh 5m3	01 chiếc	1.977.455.400	21/7/2016 – 30/3/2017	Đã ký hợp đồng với bên cung cấp.
4	Hoán cải xe Nobas	01 chiếc	150.000.000	Quý IV/2016	Đã hợp lựa chọn đơn vị thực hiện.
5	Hoán cải xe cuốc Huyndai 290LC	01 chiếc	150.000.000	Quý III/2016	Đã hoàn thành
	Cộng		5.369.555.400		

2. Đánh giá

2.1. Đánh giá hoạt động kinh doanh

2.1.1. Đạt được

- Sản lượng hàng hóa xếp dỡ chỉ tăng 2,3%, doanh thu tăng 3,4 % so kế hoạch đề ra, nhưng lợi nhuận tạm tính trước thuế tăng trên 24 tỷ đồng (52,4%) so năm 2015.
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tạo uy tín cho khách hàng hợp tác kinh doanh với Cảng. Xây dựng các phương án tối ưu cho việc xếp dỡ hàng hóa có lợi cho khách hàng và đảm bảo doanh thu cho Cảng.
- Ngoài các mặt hàng truyền thống như: TĂCN, dăm gỗ, sắt thép phế liệu, ...khối kinh doanh đã chủ động tập trung và đẩy mạnh hoạt động marketing, tiếp thị thêm các mặt hàng mới và khách hàng mới về cảng, mở rộng thêm các dịch vụ hậu cần sau cảng, dịch vụ logistics... Phát triển dịch vụ hàng hóa như khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa và làm các thủ tục khác đối với hàng TĂGS cho một số chủ hàng.
- Thu hút thêm chủ hàng dăm gỗ An Dương với tần suất xuất khẩu trung bình mỗi tháng 1 tàu tương đương 35.000 tấn dăm gỗ, đồng thời thực hiện ký hợp đồng lưu bãi tại cảng, bốc xếp trọn gói từ sà lan lên bãi và từ bãi xuất tàu nhằm khai thác tối đa hệ thống bãi, thiết bị của cảng cũng như trang thiết bị thuê ngoài. Đã làm việc và tạo mối gắn kết lâu dài với chủ hàng dăm gỗ 12-11, Vijachip tàu đến sẽ đưa qua cảng khai thác trừ khi cảng không bố trí cầu bến mới sang CICT.
- Đối với mặt hàng TĂCN, ngoài khách hàng Bunge, tiếp tục ký hợp đồng thường phạt giải phóng tàu TĂCN và liên kết với các đơn vị để khai thác 03 kho bên ngoài cùng với 1 kho của cảng cho thuê lại 04 kho với 3 shipper mới, gồm: CJ, Cargill, Sojitz. Đối với Shipper Enerfo đã thực hiện ý hợp đồng thường phạt 3 chuyến tàu vào cảng khai thác. Do đó, sản lượng hàng TĂCN tăng mạnh kể từ tháng 8 năm 2016.
- Duy trì cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng TĂCN đối với một số khách hàng lớn như công ty CP tập đoàn Tân Long và các công ty con, công ty liên kết của Tân Long; công ty Trung Thành, Hà Anh, Xuân Trường Hai, các nhà máy Vimaflour, VFM, Dabaco VN, Proconco, Việt Pháp...
- Xây dựng chính sách kinh doanh tổng thể, áp dụng có hiệu quả với các đối tượng khách hàng. Đối với các trường hợp phát sinh ngoài chính sách đã linh hoạt vận dụng theo từng thời điểm để thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của cảng.
- Các quy trình, quy định liên quan lĩnh vực kinh doanh đã được xây dựng xong và dự kiến ban hành trong quý I năm 2017.

2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phân tích thông tin thị trường và chăm sóc khách hàng còn chưa bám sát, kịp thời, thường xuyên. Điều chỉnh chính sách kinh doanh một số mặt hàng ô tô, dăm gỗ, TĂCN còn chậm, riêng hàng ô tô đã dừng khai thác tại khu vực Cái Lân từ tháng 10/2016.

- Việc giải quyết các tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện dịch vụ đối với khách hàng chưa được chủ động, kịp thời, đi trước đón đầu mà đến khi khách hàng phản ánh thì mới đưa ra biện pháp khắc phục.
- Giải quyết các tranh chấp thương vụ chậm như: chứng từ xe cước Vosa Quảng Ninh, thiếu hụt hàng hóa một số tàu hàng, gian lận cân hàng, đưa hàng vào kho giải phóng tàu, lấy cấp hàng hóa của đơn vị cầu nổi.
- Tình trạng hoạt động cầu nổi thiếu ổn định, chưa đáp ứng cũng như thỏa mãn nhu cầu khách hàng theo từng thời điểm do thiếu cầu bến, thiết bị xếp dỡ, đặc biệt đối với các tàu hàng của Văn Sơn, Tân Long, nếu 2 đơn vị này có tàu về cùng thời điểm dỡ hàng ngoài vùng neo thiết bị cầu nổi không đáp ứng đủ.
- Công tác tiếp thị thu hút các Shipper như Cargill, CJ, Sojizt mặc dù đã giữ được khách hàng sử dụng dịch vụ của cảng thay vì sử dụng dịch vụ của CICT, nhưng sản lượng đưa qua cảng của Sojizt vẫn còn thấp so với dự kiến, mới chỉ đạt 1 chuyến tàu tương đương 66.650 tấn.
- Việc tiếp cận để tham gia dịch vụ đối với những tàu 1 chủ xếp dỡ ngoài vùng neo rất khó khăn do giá thành của các đơn vị xếp dỡ ngoài neo bằng cầu tàu rất thấp (bằng 1/3 giá của cảng).
- Chưa đẩy mạnh và khai thác hết các dịch vụ là thế mạnh và tiềm năng của Cảng như: dịch vụ đại lý hàng hải và cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics đường bộ, đường thủy.
- Chưa đi sâu vào tìm hiểu, phân tích, đánh giá thị trường của các doanh nghiệp trong tỉnh có hàng hóa xuất nhập khẩu, nhất là các doanh nghiệp tại khu vực cửa khẩu Móng Cái, Bắc Song Sinh để khai thác thế mạnh hàng tạm nhập tái xuất qua cảng Cái Lân thay vì về cảng Hải Phòng hiện nay.
- Chưa đi thực tế tìm hiểu và nắm bắt thông tin về những mặt hàng chủ lực mà các cảng khu vực Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đang khai thác.
- Trang website của Công ty nội dung còn nghèo nàn, thiếu thông tin, chưa thực sự hiệu quả trong vấn đề PR của Công ty.
- Tổ chức hội nghị khách hàng hoặc hội nghị theo nhóm khách hàng chưa được triển khai thường xuyên.
- Công tác thanh toán cho các đơn vị cung cấp dịch vụ cho cảng chưa được kịp thời, đúng hạn, đặc biệt là thuê cầu nổi dẫn đến việc huy động cầu nổi rất khó khăn và bị động, không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- Nợ xấu vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu dư nợ (chiếm 43% tại thời điểm 31/12/2016), nhiều khoản nợ rất khó thu hồi cũng như chưa có giải pháp tích cực.
- Một số hợp đồng thuê bãi dài hạn tính pháp lý chưa cao, giá thuê thấp, không thu hồi được tiền thuê của một số khách hàng từ nhiều năm nay như công ty Thành Anh, Phúc Quang Hồng Anh...

- Việc tính giá thành các tác nghiệp chưa chuẩn hóa và kịp thời dẫn đến việc xây dựng các phương án kinh doanh không chuẩn xác, không xác định được hiệu quả cuối cùng dẫn đến giảm năng lực cạnh tranh.

- Chưa có phần mềm quản trị chuyên dùng, gây ra chậm tiến độ sản xuất, tăng chi phí và giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Trình độ ngoại ngữ còn yếu.

- Trang thiết bị xếp dỡ đã cũ và lạc hậu dẫn đến việc đàm phán, tiếp thị lôi kéo khách hàng về cảng rất khó khăn, luôn bị yếu thế so với cảng CICT và các cảng khu vực Hải Phòng.

2.1.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Các quy trình, quy định liên quan đến kinh doanh chưa được ban hành.

- Cầu bến hạn chế, thiết bị thiếu, đầu tư mới bổ sung và thay đổi công nghệ trang thiết bị chậm.

- Thiếu cầu nổi làm hàng ngoài vùng neo.

- Phần mềm quản lý khai thác hàng rời chưa được xây dựng dẫn đến công tác triển khai làm hàng, thanh toán và thống kê phải qua nhiều khâu, nhiều bộ phận, nhiều thủ tục, mất nhiều thời gian.

- Chưa quyết liệt trong vấn đề giao việc, giao chỉ tiêu, tiến độ thời gian hoàn thành, không tạo ra áp lực đối với nhân viên.

2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất

2.1.1. Đạt được

- Năng suất xếp dỡ các mặt hàng chính đều tăng so với năm 2015, do ngay từ đầu năm ký hợp đồng đối với hàng TÁC�N cảng đã đưa ra mức năng suất tối thiểu 6.000 tấn/ngày tàu, đồng thời triển khai ký thường phạt xếp dỡ tàu với 3 shipper; các quy trình sản xuất được bổ sung và hoàn thiện, xây dựng phương án làm hàng tối ưu hóa năng lực trang thiết bị và công cụ xếp dỡ. Riêng hàng sắt vụn và dăm gỗ năng suất giảm do thiếu thiết bị chuyên dụng và bố trí cầu bến cho việc xếp dỡ các tàu sắt chưa phù hợp

- Tỷ lệ hao hụt trung bình cân/món toàn cảng thấp (0,19%) vẫn dưới định mức 0,2% \Rightarrow tình hình kiểm soát, giám sát hàng hóa của Cảng tương đối tốt, lượng hàng qua cân gần như tương đương với lượng hàng qua món tàu.

- Tỷ lệ hao hụt trung bình món/bill cao (0,35%) cho thấy tỷ lệ tàu về Cảng thực tế hàng thiếu so với bill là rất nhiều, chủ yếu là đối với những tàu có thực hiện chuyển tải ngoài vùng neo và tàu dỡ tại 1 cảng khác trước khi về Cảng Quảng Ninh xếp dỡ.

- Đối với các tàu thường phạt, Cảng đã chủ động công tác chuẩn bị cầu bến, trang thiết bị xếp dỡ và luôn đảm bảo năng suất giải phóng tàu luôn cao hơn so với năng suất ký với shipper, do đó tăng hiệu quả và giảm chi phí trong sản xuất.

- Linh hoạt khai thác giữa các kho shipper thuê với hệ thống 05 nhà kho (02 kho tại Cảng và 03 kho thuê ngoài), đảm bảo kế hoạch giải phóng tàu, lưu lượng hàng qua kho tăng lên, do đó tăng các dịch vụ kèm theo như: vận chuyển, bốc xúc... ⇔ Tăng doanh thu.

- Kế hoạch sản xuất ngày càng hoàn thiện, các quy trình thực hiện đã dần đồng bộ giữa các đơn vị, phòng ban trong Cảng ⇔ Tăng hiệu suất sử dụng con người và thiết bị.

- Tăng tính chủ động của các đơn vị và sự phối hợp giữa các đơn vị ngày càng tốt nên trong những tình huống khó khăn, sự trao đổi thông tin thường xuyên và đưa ra được các giải pháp đề thảo luận với đối tác, tháo gỡ khó khăn đối với các tàu có nguy cơ bị phạt.

- Ký hợp đồng các shipper cam kết đưa hàng thông qua Cảng thay vì sang CICT.

2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Năng lực cầu bến, trang thiết bị, kho hạn chế nên không thể ký hết với các shipper được.

- Nguy cơ phạt tàu cao cho các chủ hàng không ký hợp đồng thường phạt với cảng nếu tàu đến trùng lịch với các tàu cảng ký hợp đồng thường phạt.

- Các chủ hàng không ký thường phạt sẽ tính toán và cân nhắc đưa tàu sang cảng CICT hoặc ngoài neo khai thác.

- Công tác kiểm tra hiện trường sản xuất chưa thường xuyên.

- Công tác điều hành còn qua nhiều khâu, chông chéo gây khó khăn cho khách hàng và chủ tàu trong quá trình trao đổi thông tin về giao nhận, xếp dỡ hàng hóa.

- Vai trò điều hành trực tiếp còn chưa thực tế, thiếu tính chủ động để giải quyết theo chức năng của mình mà vẫn phải có lãnh đạo cảng chỉ đạo trực tiếp.

- Hệ thống cầu bến chưa đáp ứng nhu cầu các tàu lớn đến làm hàng, tàu luôn phải chờ cầu; thiếu cầu bến để làm hàng sà lan.

- Các trang thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ của cảng hầu hết đã cũ, lạc hậu, thường xuyên hư hỏng dẫn đến việc tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa cũng gặp khó khăn.

- Do lượng tàu đến cảng bất bình hành vì vậy đôi lúc đã gây áp lực lớn trong việc bố trí cầu bến cho tàu vào làm hàng.

2.2.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa sát với từng ngành hàng, diễn biến thị trường.

- Công tác chỉ đạo, giám sát thực hiện công việc và kiểm soát công việc các nhân viên dưới quyền còn thiếu quyết liệt, quyết đoán.

- Công tác huy động các thiết bị cầu nổi xếp dỡ ngoài vùng neo mặc dù đã ràng buộc hợp đồng nhưng chưa đáp ứng đầy đủ khi có tàu vào xếp dỡ do tính độc quyền, hơn nữa chính đơn vị cầu nổi đã ký hợp đồng trực tiếp với các khách hàng của cảng, đây cũng là một nguy cơ mất khách hàng với cảng.

- Công tác tiếp xúc và quan hệ khách hàng chưa lập kế hoạch hành động cụ thể dẫn đến việc tiếp xúc khách hàng chỉ mang tính chất thời điểm, bị động trong giao tiếp.

- Việc đề xuất ban điều hành và phối hợp với các đơn vị trong cảng giải những phản ánh từ khách hàng, chủ tàu về những bất cập dịch vụ của cảng còn thiếu quyết liệt.

- Không thường xuyên tiếp cận thị trường khu vực cảng Hải Phòng, các cảng Miền Nam do đó chưa hiểu sâu được nhu cầu, cơ cấu ngành hàng, đối tượng khách hàng, đối thủ cạnh tranh là ai, khả năng tiếp cận như thế nào dẫn đến bị động trong việc tham gia cung cấp dịch vụ của cảng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu và định hướng chiến lược

3.1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu kinh doanh :

- Đẩy mạnh hoạt động sales & marketing nhằm hoàn thành chỉ tiêu : Sản lượng hàng hóa tăng 5,2%; Doanh thu dịch vụ tăng 5%; Lợi nhuận trước thuế tăng 7%.

- Khai thác tối đa lợi thế Cảng nước sâu và thế mạnh khai thác mặt hàng TĂCN nhằm mục tiêu khai thác trên 70% sản lượng TĂCN khu vực Miền Bắc.

- Khai thác tối đa khách hàng xuất khẩu, nhập khẩu khu vực thị trường Quảng Ninh (Dăm gỗ, xi măng, quặng, sắt thép..); xây dựng mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với khách hàng nhằm tăng trưởng sản lượng, doanh thu.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải, Logistic.

- Đẩy mạnh hoạt động công tác chăm sóc khách hàng, tạo sự gắn kết sâu sắc giữa khách hàng và Công ty nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tạo niềm tin cho khách hàng khi hợp tác với Công ty.

- Xây dựng và chuẩn hóa các quy trình trong hoạt động kinh doanh: quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, quy trình tác nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm chi phí cho Công ty.

b) Mục tiêu trong sản xuất :

- Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng: tăng năng suất xếp dỡ bình quân 5 - 10%; Giảm tỉ lệ hao hụt hàng hóa (dưới mức 0,2 % hiện nay); Giảm số giờ chờ cầu của tàu; rút ngắn thời gian làm hàng nhằm giảm thiệt hại phạt tàu cho khách hàng và Cảng.

- Tiết giảm chi phí trong sản xuất; cơ cấu tổ chức lại các hoạt động sản xuất để đảm bảo sản xuất đạt hiệu quả cao; xây dựng hệ thống quy trình điều hành sản xuất, quy trình tác nghiệp chuẩn và đưa vào thực hiện.

- Rà soát đánh giá lại toàn bộ thực trạng trang thiết bị sản xuất, CCDC, hệ thống nhà kho, bến bãi để có giải pháp trong vấn đề khai thác hiệu quả của thiết bị, kho, bãi và có kế hoạch đầu tư mới phù hợp với mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

- Chuyển hướng kinh doanh một số mặt hàng nhỏ, lẻ chuyên chở trên tàu nhỏ có cần cầu để khai thác ngoài vùng neo và tập trung khai thác tàu trọng tải lớn tại cầu.

3.1.2. Định hướng chiến lược

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống (sắt vụn, dăm gỗ, ...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.
- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thương phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.
- Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược: Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.
- Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong 03 năm qua.
- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.
- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Trong hoạt động sản xuất

- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất, rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khấu hao, giảm chi phí trong sản xuất.
- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.
- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.
- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng sản phẩm xuất ra thị trường.
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.
- Xây dựng lại định mức năng suất lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, CCDC phù hợp với thực tế sản xuất và chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tập trung đầu tư vào trang thiết bị còn thiếu, năng suất thấp, hoặc đã cũ của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.

- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2ha vào kế hoạch khai thác trong năm 2017.

c) Trong quản lý điều hành.

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, định biên nhân sự phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, bố trí nhân sự các phòng ban phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý cho Công ty.

- Rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước, giao tế... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD

3.2.1. Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Căn cứ tình hình dự báo về khách hàng, ngành hàng, kế hoạch sản lượng dự kiến của khách hàng năm 2017.
- Căn cứ năng lực cầu bến, khả năng tiếp nhận tàu trong cùng một thời điểm.
- Căn cứ kế hoạch đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng năm 2017.
- Căn cứ chỉ tiêu năng suất xếp dỡ trong năm 2017.
- Căn cứ vào cơ sở hạ tầng hiện tại: mặt bằng, bãi, hệ thống kho,...
- Căn cứ vào năng lực thiết bị, công cụ dụng cụ hiện tại.
- Căn cứ môi trường kinh doanh tại địa phương, trong khu vực và cả nước.
- Căn cứ chính sách vĩ mô của Nhà nước và các dự báo trong thời gian tới.

3.2.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2016

TT	Chỉ tiêu năm 2017	ĐVT	TH 2016	KH 2017	Tăng trưởng	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
I	Chỉ tiêu hoạt động SXKD					
1	Sản lượng thông qua	Tấn	7.319.218	7.700.000	380.782	5,20
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn	7.334.808	7.850.000	515.192	7,02
3	Doanh thu	Tỷ đồng	416,20	437	20,80	5,00
4	Lợi nhuận trước thuế tạm tính	Tỷ đồng	71,56	76,5	4,94	6,91
II	Chỉ tiêu tài chính					
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	712	712	0	0,00
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	577	577	0	0,00
III	Chỉ tiêu lao động					
1	Số lượng lao động	Người	823	842	19	2,31
2	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ người	10,15	10,714	0,56	5,56

3.2.3. Kế hoạch đầu tư

➤ Đầu tư xây dựng cơ bản

TT	Tên dự án	Giá trị thực hiện (đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Dự án cải tạo nâng cấp bến 1, bến tạm (lập quy hoạch chi tiết)	816.838.739	Quý 2
2	Dự án bến 8,9 (tu vãn lập phương án tăng cường giải pháp an toàn dầu khí)	550.000.000	Quý 2,3
3	Nạo vét bến 1,5,6,7	8.322.184.527	Quý 3,4
4	Sửa chữa đường nước cứu hỏa khu vực cầu tàu, bãi 5,6,7	4.100.000.000	Quý 3,4
5	Xây kho chứa hàng bãi 5	47.394.000.000	
	Cộng	61.183.023.266	

➤ Đầu tư mua sắm trang thiết bị

TT	Tên dự án	Giá trị thực hiện (đồng)	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Tàu lưu trú phục vụ làm hàng ngoài vịnh (Thực hiện giai đoạn 2)	6.582.488.000	Quý 1 – Quý 3/2017
2	Đầu tư ngoại hoa thị điều khiển từ xa làm hàng sắt thép phế liệu (02 chiếc)	3.800.000.000	Quý 1 – Quý 3/2017
3	Đầu tư xe gạt (02 chiếc)	4.000.000.000	Quý 1 – Quý 3/2017
4	Cầu bờ di động: theo 2 phương án: -Hoán cải (6.400.000.000 đồng) hoặc -Đầu tư mới (70.000.000.000 đồng)		Quý 1 – Quý 3/2017
	Cộng	14.382.488.000	

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016 được đánh giá là một năm chưa thuận lợi với Cảng Quảng Ninh do ảnh hưởng của kinh tế Việt Nam nói chung, và đặc biệt do ảnh hưởng của các điều kiện trong khu vực nói riêng. Hạ tầng giao thông kết nối Cảng với các khu kinh tế, khu công nghiệp khác chưa được cải thiện; hệ thống cầu cảng luôn trong trạng thái tắc nghẽn; Cảng CICT đã được Bộ GTVT cho phép thay đổi từ cảng container sang xếp dỡ hàng rời, hàng bách hóa đã khiến cho Cảng Quảng Ninh bị chia sẻ thị trường dẫn đến cạnh tranh ngày càng lớn. Đối với một số cảng khác trong nước, như cảng Hải Phòng, hệ thống hạ tầng giao thông đến nay khá hoàn chỉnh, các tuyến đường kết nối các tỉnh, thành phố đều hoàn thành nâng cấp, mở rộng và đầu tư mới, hạ tầng logistics ngày một nâng cao nên năng lực cạnh tranh cao hơn.

Tuy nhiên Công ty đã thực hiện tốt công tác đổi mới, sắp xếp lại sản xuất, quản trị tốt chi phí, mặc dù chỉ tiêu Doanh thu chưa đạt được mục tiêu đề ra nhưng vẫn đảm bảo được chỉ tiêu lợi nhuận, đảm bảo được thu nhập của người lao động theo đúng kế hoạch đề ra. Công tác đầu tư đã được chú trọng, việc đầu tư trang thiết bị phục vụ xếp dỡ kịp thời đã góp phần mang lại hiệu quả tốt trong công tác khai thác tàu, tăng năng suất giải phóng tàu, giảm thiểu tình trạng ùn tắc phương tiện vận chuyển

Công tác thu hồi công nợ được quan tâm, đẩy mạnh kiểm soát và đạt được kết quả hết sức khả quan, vòng quay phải thu tăng nhanh, thời gian thu tiền được rút ngắn đáng kể, số nợ quá hạn giảm, cơ cấu tuổi nợ hợp lý hơn.

Bước đầu đã hoàn thành điều chỉnh sơ đồ và cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ từng phòng ban, đơn vị, và đang tiến hành định biên nhân sự cho phù hợp

với tình hình thực tế của Công ty. Việc thực hiện đề án tái cấu trúc tổ chức bộ máy và cải tạo nguồn nhân lực được kỳ vọng sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động quản lý và điều hành, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, chuyên môn hóa và tối ưu hóa chức năng của các phòng ban, sắp xếp nhân sự hợp lý, phát hiện và đào tạo nguồn nhân lực.

Hoàn thành xây dựng quy chế và tiêu chí đánh giá, bình bầu thi đua nhằm khuyến khích và phát động phong trào thi đua SXKD và nâng cao hiệu quả làm việc trong Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

- Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ BDH và các quản lý cấp trung.

- Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh khai thác cảng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo BDH hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 của Công ty .

- Chỉ đạo BDH tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ làm hàng để nâng cao năng lực xếp dỡ, làm hàng của Cảng.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: tiếp tục hoàn thành các thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng dự án đã được phê duyệt chủ trương.

- Hoàn thành công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và sắp xếp, cải tạo nguồn nhân lực Công ty, tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực mới.

- Xây dựng đồng bộ và chuẩn hóa hệ thống quy chế, quy trình nhằm nâng cao hiệu quả, rút ngắn thời gian và tiết giảm chi phí cho Công ty. Đặc biệt là quy chế quản lý tài chính và quy chế tiền lương.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống phần mềm quản lý (phần mềm quản lý kho, phần mềm quản lý hàng rời, phần mềm kết nối với hải quan, phần mềm quản lý văn phòng...).

- Thuê đơn vị tư vấn có năng lực chuyên môn tư vấn định hướng phát triển Cảng và quản trị công ty nhằm mục đích đưa CQN trở thành cảng biển mang tầm quốc tế.

- Hội đồng quản trị tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị theo phạm vi quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty đã họp định kỳ và bất thường hàng quý để đánh giá kết quả đạt được trong quý, xử lý tồn tại và đưa ra định hướng hoạt động trong quý tiếp theo. Hội đồng quản trị thường xuyên bám sát hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết sách phù hợp và kịp thời.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2016, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban tổng giám đốc (BTGD) năm 2016 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BTGD trong năm 2016;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 đối với HĐQT và BTGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Tt	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao/tháng (VNĐ)	Tổng số tiền thù lao năm 2016 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	15.000.000	180.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	12.000.000	576.000.000
3	Trưởng BKS	01	12	12.000.000	144.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	7.000.000	168.000.000
Tổng số					1.068.000.000

- Thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền
1	LNST năm 2016 theo BCTC đã được kiểm toán		57.119.269.723
	<i>Phương án phân phối lợi nhuận:</i>		
2	Chi cổ tức (8,5%*Vốn điều lệ):		42.542.445.600
3	Lợi nhuận để lại trích các quỹ (1-2)		14.576.824.123
	3a. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát, thư ký		752.526.033
	3b. Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng		2.540.459.298
4	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối vào các quỹ [3-(3a+3b)]		11.283.838.792

Tổng hợp lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Đơn vị tính: Đồng

T T	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng ngày lễ, tết	Tiền thưởng BDH năm 2015 QĐ 129/QĐ-TCTL 26/5/2016	Tổng cộng	Bình quân
1	2	3	4	5	6	7 = 4 + 5 + 6	8 = 7/t
1	Bùi Quang Đạo	Tổng giám đốc	511.857.865	18.500.000	35.325.713	565.683.578	47.140.298
2	Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc	476.962.229	18.500.000	35.325.713	530.787.942	44.232.329

3	Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc	475.814.529	18.500.000	35.325.713	529.640.242	44.136.687
4	Đình Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	448.023.590	18.500.000	35.325.713	501.849.303	41.820.775
5	Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng giám đốc	448.023.626	18.500.000	35.325.713	501.849.339	41.820.778
6	Lê Trung Dũng	Kế toán trưởng	425.971.153	18.500.000	35.325.713	479.796.866	39.983.072
	Tổng cộng		2.786.652.992	111.000.000	211.954.278	3.109.607.270	

Ghi chú: - t: số tháng làm việc tại Công ty

4. Các giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến nay, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh đã trải qua nhiều biến động về mô hình và chủ sở hữu, do đó hiện Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập

Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://www.quangninhport.com.vn>

